

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671005 - Thí nghiệm Hóa học đại cương

STC : 1(15,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 2

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Lê Thị Ngọc	Thảo	3671040113	01/10/1993		7,00	7,00	
2	Lê Minh	Hoàng	3671040657	16/12/1994		9,00	9,00	
3	Nguyễn Trần	Văn	3671040658	12/09/1994		,00	,00	Nợ HP
4	Hà Minh	Tuấn	3671040660	12/03/1993		8,00	8,00	
5	Lê Trịnh Việt	Chinh	3671040670	15/04/1986		7,00	7,00	Nợ HP
6	Phạm Qui	Tông	3671040683	04/10/1993		9,00	9,00	
7	Trần	Tuấn	3671040684	02/02/1994		,00	,00	Nợ HP
8	Nguyễn Tuấn	Khanh	3671040694	22/12/1994		6,00	6,00	
9	Nguyễn Văn	Hải	3671040710	18/03/1993		6,00	6,00	
10	Hoàng Việt	Dũng	3671040714	07/11/1988		9,00	9,00	
11	Phan Văn	Sang	3671040715	11/06/1994		6,00	6,00	
12	Đoàn Lập	Công	3671040718	16/07/1993		7,00	7,00	
13	Nguyễn Duy	Cương	3671040732	27/08/1994		6,00	6,00	
14	Phạm Văn	Vũ	3671040743	23/05/1994		9,00	9,00	
15	Nguyễn Kim	Trọng	3671040745	01/10/1994		8,00	8,00	
16	Nguyễn Anh	Tuấn	3671040746	20/08/1994		6,00	6,00	Nợ HP
17	Vũ Xuân	An	3671040754	06/01/1994		6,00	6,00	Nợ HP
18	Nguyễn Huy	Trọng	3671040757	03/03/1994		7,00	7,00	
19	Huỳnh	Rin	3671040767	17/03/1993		6,00	6,00	
20	Nguyễn Đức	Phuong	3671040770	28/02/1993		6,00	6,00	
21	Đoàn Công	Tuấn	3671040773	24/08/1994		8,00	8,00	
22	Võ Văn	Mừng	3671040779	29/09/1994		7,00	7,00	Nợ HP
23	Nguyễn Văn	Ngân	3671040791	11/07/1994		9,00	9,00	Nợ HP
24	Võ Trường	Sinh	3671040796	01/04/1994		8,00	8,00	
25	Trương Lưu Trường	Giang	3671040803	07/02/1994		,00	,00	Nợ HP
26	Huỳnh An	Khang	3671040817	08/07/1994		6,00	6,00	
27	Đặng Ngọc	Hoàng	3671040832	12/07/1994		7,00	7,00	
28	Đỗ Minh	Hoà	3671040881	02/01/1994		7,00	7,00	
29	Lê Bùi Duy	Tân	3671040884	03/02/1993		,00	,00	Nợ HP
30	Lê Xuân	Vinh	3671040890	18/01/1993		6,00	6,00	
31	Phạm Tuấn	Anh	3671040897	25/08/1994		6,00	6,00	
32	Nguyễn Tiến	Hải	3671040901	28/03/1994		7,00	7,00	
33	Hà Thanh	Thời	3671040907	06/06/1993		6,00	6,00	Nợ HP
34	Tổng Văn	Linh	3671040910	10/09/1993		6,00	6,00	
35	Trịnh Trung	Chánh	3671040911	29/07/1993		7,00	7,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Dương Thanh	Minh	3671040934	29/11/1994		6,00	6,00	
37	Nguyễn Anh	Việt	3671040950	25/12/1993		,00	,00	
38	Nguyễn Xuân	Diệu	3671040965	20/04/1994		6,00	6,00	Nợ HP
39	Huỳnh Minh	Toàn	3671040971	06/07/1992		9,00	9,00	
40	Phan Thế	Mạnh	3671040975	11/06/1993		5,00	5,00	
41	Bùi Tuấn	Nhon	3671040995	10/05/1993		6,00	6,00	Nợ HP
42	Huỳnh Duy	Nhất	3671040999	10/02/1993		6,00	6,00	
43	Đoàn Tuấn	Khải	3671041003	17/05/1994		6,00	6,00	
44	Nguyễn Tú	Đông	3671041006	11/10/1994		8,00	8,00	Nợ HP
45	Lê Trần Anh	Nhật	3671041010	05/05/1994		,00	,00	Nợ HP
46	Phạm Ngọc	Tịnh	3671041018	20/01/1993		,00	,00	Nợ HP
47	Trần Đăng	Hùng	3671041024	20/05/1994		,00	,00	Nợ HP
48	Nguyễn Đình	Phương	3671041028	01/05/1993		6,00	6,00	
49	Lê Công	Đức	3671041035	06/11/1994		5,00	5,00	
50	Đặng Trọng	Quân	3671041966	14/09/1993		6,00	6,00	Nợ HP
51	Trình Văn	Toàn	3671041983	06/01/1994		6,00	6,00	
52	Nguyễn Đình	Huy	3671041990	06/11/1994		,00	,00	Nợ HP
53	Lê Hùng	Anh	3671042011	20/12/1994		6,00	6,00	
54	Phùng Minh	Thế	3671042027	10/08/1993		7,00	7,00	
55	Trần Công	Đức	3671042044	04/04/1994		,00	,00	Nợ HP

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)